

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2020

V/v: “Ly hôn giữa chị D và anh P”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tấn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mãnh.

2. Bà Lê Thị Mỹ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1998; Địa chỉ cư trú: Số 736/19 (số cũ 763/15), đường L Q K, khu phố 7, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bi đơn:* Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1989; Địa chỉ cư trú: Số 736/6, đường L Q K, khu phố 7, phường A H, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 25/12/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Trịnh Thị D trình bày: Chị D và anh P được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A H, thành phố R G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/11/2017.

Lý do chị D yêu cầu xin ly hôn: Chị D cho rằng do quá trình chung sống tính tình đôi bên không hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến trong cách cư xử và sinh hoạt thường ngày. Nguyên nhân do anh P sống thiếu trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp gì cho chị D trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình

và chăm nuôi con, thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà kiếm chuyện xúc phạm đến chị D , từ đó cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi với nhau. Cả hai đã nhiều lần tự hòa giải để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, cùng xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, sự cố gắng đó không mang lại kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Thấy chung sống không hạnh phúc nên đôi bên đã tự ly thân với nhau từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh P .

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh ngày 15/02/2019, hiện đang sống với chị D .

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị D yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh P . Đối với ý kiến của anh P không đồng ý ly hôn và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ, chị D không đồng ý và cương quyết xin được ly hôn với anh P .

Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi người con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh ngày 15/02/2019. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Bá P trình bày:* Anh P xác nhận về quan hệ hôn nhân, anh P và chị D được người thân mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn như chị D trình bày là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng, anh P xác nhận nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị D trình bày là đúng, lỗi hoàn toàn thuộc về anh P . Thời gian qua anh P đã nhận thấy lỗi lầm, sai trái của mình. Anh P vẫn còn tình cảm, còn yêu thương chị D và con. Vì vậy, anh P yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con, xây dựng mái ấm gia đình hạnh phúc và để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình. Anh P xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2019 cho đến nay.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh ngày 15/02/2019, hiện đang sống với chị D .

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh P yêu cầu:

Về hôn nhân: Anh P không đồng ý ly hôn với chị D và yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận cho anh P và chị D ly hôn với nhau thì anh P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Nhận định về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa chị D và anh P cùng xác nhận, chị D, anh P được người thân giới thiệu, mai mối, đi đến tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được UBND phường A H, thành phố R G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/11/2017. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh P được xác định là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D*, Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng chị D, anh P không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng xây dựng mái ấm gia đình bền vững và hạnh phúc. Xuất phát từ việc tính tình đôi bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm, bất đồng ý kiến, do anh P sống thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm, chăm lo đến cuộc sống của vợ con; thường hay ăn nhậu và có những lời lẽ xúc phạm chị D, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng không còn tin tưởng, thông cảm, quan tâm và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Anh P cho rằng vẫn còn tình cảm với chị D nên không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ. Tuy nhiên, thấy rằng khi cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến đôi bên phải sống ly thân cho đến nay, anh P không có giải pháp nào, cũng như hành động cụ thể nào để giải quyết mâu thuẫn hiện tại, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị D thể hiện rõ quan điểm, nguyện vọng muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh P. Bác yêu cầu của anh P xin được đoàn tụ với chị D.

[3] *Về con chung:* Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh ngày 15/02/2019, hiện đang sống với chị D.

Xét thấy, người con nêu trên dưới 36 tháng tuổi; quá trình trông nom, nuôi dưỡng con chung, chị D đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người mẹ đối với con; đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của con. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống, sự phát triển, quyền lợi mọi mặt của con. Trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất: Giao người con tên Nguyễn Ngọc Trúc Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Do chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị D và anh P xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị D phải chịu án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị D và anh Nguyễn Bá P .

2. Về con chung: Giao người con tên Nguyễn Ngọc Trúc Q, sinh ngày 15/02/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị D và anh P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Chị D đã tạm nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001659, ngày 27/12/2019 tại chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G, nên chị D được khấu trừ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa